

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày 20-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thường.

Bà Vũ Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 08/2024/TB-TA ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1983, tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Đoàn Thị T; có vợ là Lành Thanh N (đã ly hôn) và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn K, sinh ngày 08 tháng 02 năm 1989, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Đỗ Thị D và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 31/8/2016, Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, xử phạt vi phạm hành chính đã được xóa; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Đồng Thị N1, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1985, tại Bắc Giang. Nơi cư trú: Số nhà E, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn B và bà Nguyễn Thị H1 (đã chết); có chồng là Phạm Tuấn A và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1989. Vắng mặt.
2. Bà Triệu Thị Y, sinh năm 1975. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh Đ là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên M1 (Công ty M1) địa chỉ thôn D, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, ngành, nghề kinh doanh buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Nguyễn Văn K là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Q (Công ty Q), địa chỉ thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, ngành, nghề kinh doanh bán lẻ xăng, dầu, khí đốt hóa lỏng và các chất bôi trơn làm sạch động cơ.

Nguyễn Minh Đ và Nguyễn Văn K đều thuê Đồng Thị N1 làm kế toán cho công ty của mình. Do Công ty Q chưa lắp đặt thiết bị để truyền dữ liệu bán hàng đến cơ quan thuế, nhiều khách hàng mua lẻ không lấy hóa đơn, nên cuối mỗi ngày Nguyễn Văn K chốt số liệu tại đồng hồ, ước lượng số liệu để báo cho N1 xuất hóa đơn với nội dung “*người mua không lấy hóa đơn*”.

Từ đầu năm 2021, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty M1 không hiệu quả, Nguyễn Minh Đ đã nảy sinh ý định mua trái phép hóa đơn để hạch toán tăng chi phí đầu vào, giảm lợi nhuận, giảm số thuế phải nộp của công ty để thu lợi cá nhân.

Đầu tháng 5/2021, Nguyễn Minh Đ liên hệ với Nguyễn Văn K hỏi mua hóa đơn dầu Diesel. Nguyễn Văn K muốn thu lời cá nhân nên đồng ý và hỏi N1 về số liệu dầu thực tế đã bán mà người mua không lấy hóa đơn để xác định số lượng sẽ bán hóa đơn không cho Đ, hai bên thống nhất giá mua là 300 đồng/01 lít. Sau đó Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K chỉ đạo Đồng Thị N1 thực hiện các thủ tục để bán khống hóa đơn dầu Diesel của Công ty Q cho Công ty M1.

Đồng Thị N1 sử dụng máy tính cá nhân, đăng nhập vào phần mềm kế toán M, sử dụng tài khoản của Công ty Q để thực hiện thủ tục xuất hóa đơn, sử dụng tài khoản của Công ty M1 để nhập dữ liệu hóa đơn. Tất cả các hóa đơn, N1 đều điều chỉnh tổng tiền phải thanh toán dưới 20.000.000 đồng để hợp lệ với phương thức thanh toán tiền mặt; sau đó N1 in hóa đơn đưa cho Đ và Đ đưa tiền mặt cho N1 để trả cho K. Trong thời gian từ ngày 05/5/2021 đến ngày 03/9/2021, N1 thực hiện thủ tục xuất bán khống cho công ty M1 18 hóa đơn với tổng số 10.694,47 lít dầu Diesel, tổng số tiền trước thuế là 156.803.288 đồng, tổng số tiền thuế giá trị

gia tăng (thuế GTGT) là 15.680.329 đồng. Đ và K thỏa thuận làm tròn số tiền nên Đ trả K 3.150.000 đồng. Do hóa đơn ngày 03/9/2021 với số tiền thuế GTGT là 261.298 đồng, tiền trước thuế là 2.612.982 đồng bị thất lạc, nên Đồng Thị N1 chỉ kê khai 17 hóa đơn, tổng tiền thuế GTGT là 15.419.031 đồng, tổng tiền trước thuế là 154.190.306 đồng để quyết toán thuế năm 2021 cho Công ty M1, qua đó Nguyễn Minh Đ thu lợi số tiền là 46.257.092 đồng.

Với nội dung như trên Cáo trạng số: 86/CT-VKSHL ngày 09 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1 về tội Mua bán trái phép hóa đơn, quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1 phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt từ 15-18 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; đối với bị cáo Nguyễn Văn K đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt từ 12-15 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định; đối với bị cáo Đồng Thị N1 đề nghị áp dụng khoản 1, 3 Điều 203; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt từ 09-12 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ; áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách số tiền 49.407.092 đồng các bị cáo phạm tội mà có và công cụ phương tiện phạm tội là 01 Máy tính nhãn hiệu Dell, 01 Chuột máy tính có dây, 01 Sạc máy tính, 01 Bàn phím nhãn hiệu Fuhlen, 03 Điện thoại di động; đối với số tiền 292.908 đồng còn lại trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2021, Nguyễn Minh Đ là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên M1 cùng Nguyễn Văn K là chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Q và Đồng Thị N1 là kế toán của 02 công ty trên, đã thực hiện hành vi mua bán khống 18 hóa đơn đã viết nội dung với tổng số 10.694,47 lít dầu Diesel, nhưng không xuất hàng hóa. Với hành vi mua bán khống hoá đơn ở trên Nguyễn Văn K thu lợi số tiền 3.150.000 đồng, Nguyễn Minh Đ thu lợi số tiền 46.257.092 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1 về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cũng như trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Minh Đ là người khởi xướng việc mua, bán hoá đơn và hưởng lợi số tiền nhiều nhất nên có vai trò chính; bị cáo Nguyễn Văn K là chủ sở hữu doanh nghiệp đã bán hoá đơn để hưởng lợi bất chính nên có vai trò thứ hai; đối với bị cáo Đồng Thị N1 là kế toán công ty có hành vi giúp sức trong việc mua, bán hoá đơn khống nhưng theo sự chỉ đạo của người điều hành công ty và không được hưởng lợi nên có vai trò thấp nhất.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Đồng Thị N1 là người có nhân thân tốt; bị cáo Nguyễn Văn K từng có tiền sự nhưng đã được xóa. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K trong quá trình điều tra tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng, các bị cáo không có.

[5] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và đề nghị mức hình phạt tù cho hưởng án treo đối với từng bị cáo là phù hợp để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên chấp nhận.

[6] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, theo biên bản xác minh bị cáo Nguyễn Minh Đ không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; tại biên bản xác minh bị cáo Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1 có tài sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo phạm tội mà có 49.407.092 đồng và 01 Máy tính xách tay, 01 Chuột máy tính có dây, 01 Sạc máy tính, 01 Bàn phím, 03 Điện thoại di động, là công cụ phương tiện phạm tội. Đối với số tiền 292.908 đồng còn lại trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 203; điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Minh Đ. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị Nguyễn Văn K. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Đồng Thị N1.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1, phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ, 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K, 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Xử phạt bị cáo Đồng Thị N1, 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Đồng Thị N1 số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; giao bị cáo Đồng Thị N1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Sơn, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 49.407.092 đồng (bốn mươi chín triệu bốn trăm linh bảy nghìn không trăm chín mươi hai đồng); 01 Máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; 01 Chuột máy tính có dây; 01 Sạc máy tính nhãn hiệu Dell; 01 Bàn phím nhãn hiệu Fuhlen; 01 Điện thoại nhãn hiệu Vsmart Star; 01 Điện thoại nhãn hiệu Realme C20; 01 Điện thoại nhãn hiệu Realme 5i.

- Trả lại cho: Bị cáo Nguyễn Minh Đ số tiền 242.908 đồng (hai trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm linh tám đồng); bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09 tháng 10 năm 2024. Số tiền 49.700.000 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, theo Ủy nhiệm chi ngày 09/10/2024, do Công an huyện H nộp)

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Văn K, Đồng Thị N1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn